

Số: **09** /CV-CTX-KH
V/v: CBTT BCTC quý IV năm 2019

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2020

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

- Tên công ty: Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam
Mã chứng khoán: **CTX**
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2 - Tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, P.Yên Hòa, Q.Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (024) 6281.2000 Fax: (024) 3782.0176
- Người thực hiện công bố thông tin:
Ông: Trần Anh Hải
- Nội dung thông tin công bố:
Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý IV năm 2019 của Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam được lập ngày 22/01/2020 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 22/01/2020 tại đường dẫn: <http://www.ctx.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

(*) Tài liệu đính kèm:
- Báo cáo tài chính quý IV năm 2019.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban TGD, HĐQT, BKS (để b/c);
- Lưu: P. KH, VT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Trần Anh Hải

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính Công ty Mẹ quý 4/2019



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Tầng 2-nhà HH2-Đường Dương Đình Nghệ – KĐT Yên Hòa - Quận Cầu Giấy – Thành Phố Hà Nội

MỤC LỤC	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng Cân đối kế toán	3 - 4
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	5
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	6 - 7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam được chuyển đổi (cổ phần hóa) theo Quyết định số 565/QĐ-BXD ngày 13/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam thành Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam. Tổng Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103017485 lần đầu ngày 25/05/2007, thay đổi lần thứ chín ngày 13/07/2017 – số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0100109441 .

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký kinh doanh là 263.538.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi ba tỷ, năm trăm ba mươi tám triệu đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại tầng 2 nhà HH2 - Đường Dương Đình Nghệ – khu đô thị Yên Hòa- Phường Yên Hòa-Quận Cầu Giấy – Thành Phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Minh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hưng	Ủy viên
Ông Trần Khanh	Ủy viên
Bà Chu Thị Hồng Hạnh	Ủy viên
Ông Lý Quốc Hùng	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Ông Lý Văn Khả	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Anh Tú	Ủy viên
Ông Nguyễn Toàn Thắng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Phan Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Lý Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Tường Hải	Phó Tổng Giám đốc

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 03 đến trang 25 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty hiện nay là Ông Phan Minh Tuấn, Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc theo Nghị quyết của ĐHCĐ bất thường ngày 02 tháng 02 năm 2016;



Phan Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		878.123.008.330	1.351.470.671.102
I-	Tiền	110	1	65.570.067.958	378.289.254.306
1	Tiền	111		15.570.067.958	88.289.254.306
2	Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	290.000.000.000
II-	Các khoản ĐTTTC ngắn hạn	120	2	203.645.251	1.066.045.251
1	Các khoản đầu tư (chứng khoán kinh doanh)	121		2.549.370.051	2.549.370.051
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.345.724.800)	(1.483.324.800)
III-	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		762.226.209.283	484.167.709.057
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3	317.382.236.569	259.575.863.984
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4	145.714.914.886	166.537.870.660
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	134		324.666.372.711	92.645.051.587
4	Phải thu ngắn hạn khác	136	5	110.302.747.125	100.748.984.834
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(135.840.062.008)	(135.340.062.008)
IV-	Hàng tồn kho	140		34.137.278.109	471.030.229.868
1	Hàng tồn kho	141	6	34.137.278.109	471.030.229.868
V-	Tài sản ngắn hạn khác	150		15.985.807.729	16.917.432.620
1	Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.985.807.729	16.917.432.620
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.227.859.738.271	877.455.510.021
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		8.579.201.241	8.579.201.241
1	Phải thu dài hạn khác	216		8.579.201.241	8.579.201.241
II	Tài sản cố định	220		1.974.853.730	2.271.412.323
1	Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.974.853.730	2.271.412.323
-	- Nguyên giá	222		7.783.080.485	8.683.698.667
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.808.226.755)	(6.412.286.344)
III.	Bất động sản đầu tư	230	8	17.253.099.136	18.579.158.452
1	Nguyên giá	231		34.003.079.625	34.003.079.625
2	Giá trị hao mòn lũy kế	232		(16.749.980.489)	(15.423.921.173)
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		442.773.948.329	-
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	241	6	442.773.948.329	-
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	2	747.954.914.325	837.649.394.484
1	Đầu tư vào công ty con	251		770.576.399.998	844.575.399.998
2	Đầu tư vào công ty liên kết	252		32.933.412.413	32.933.412.413
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12.012.898.701	12.012.898.701
4	Dự phòng giảm giá ĐTTTC dài hạn	254		(67.567.796.787)	(51.872.316.628)
VI	Tài sản dài hạn khác	260		9.323.721.510	10.376.343.521
1	Chi phí trả trước	261	9	9.323.721.510	10.376.343.521
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)		270		2.105.982.746.601	2.228.926.181.123

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A-	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.228.982.070.711	1.429.311.384.270
I-	Nợ ngắn hạn	310		1.209.135.283.192	1.409.273.798.687
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	10	385.946.962.452	498.190.260.814
2	Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	392.596.602.811	400.850.479.778
3	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	313	12	54.203.498.867	128.600.895.285
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	15.411.609.154	6.695.746.294
5	Phải trả người lao động	315		2.134.210.106	2.474.082.422
6	Chi phí phải trả ngắn hạn	316	14	308.390.962.412	333.595.548.140
7	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		66.753.588	66.753.588
8	Phải trả ngắn hạn khác	319	15	50.384.683.802	38.800.032.366
		330		19.846.787.519	20.037.585.583
II-	Nợ dài hạn	330		19.846.787.519	20.037.585.583
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	335	16	2.533.661.499	3.591.249.631
2	Chi phí phải trả dài hạn	336	14	17.313.126.020	16.446.335.952
B-	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		877.000.675.890	799.614.796.853
I-	Vốn chủ sở hữu	410	17	877.000.675.890	799.614.796.853
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		789.072.760.000	263.538.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	145.449.726.225
3	Quỹ đầu tư phát triển	418		-	18.897.367.124
4	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	4.796.179.807
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		87.927.915.890	366.933.523.697
5a	LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.542.036.853	352.736.788.362
5b	LNST chưa PP kỳ này	421b		77.385.879.037	14.196.735.335
II-	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)		440		2.105.982.746.601	2.228.926.181.123

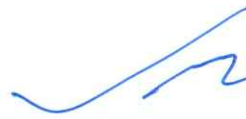
Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Lập biểu



Đỗ Quốc Việt

Kế toán trưởng



Đỗ Quốc Việt

Tổng Giám đốc



Phan Minh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Quý 4/2019

DVT: VNĐ

TT	CHỈ TIÊU	Quý 4/2019	Quý 4/2018	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.804.459.843	321.571.825.184	376.880.727.443	530.507.433.896
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	52.804.459.843	321.571.825.184	376.880.727.443	530.507.433.896
4.	Giá vốn hàng bán	44.742.926.628	300.246.186.080	307.271.964.897	472.830.506.739
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	8.061.533.215	21.325.639.104	69.608.762.546	57.676.927.157
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	18.198.919.149	5.805.006.757	59.451.063.461	21.814.256.280
7.	Chi phí tài chính	(14.217.206.457)	8.942.087.248	20.818.671.836	17.068.477.032
8.	Chi phí bán hàng	-	-	-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.722.700.128	736.832.288	10.914.645.543	8.965.436.206
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	35.754.958.693	17.451.726.325	97.326.508.628	53.457.270.199
11.	Thu nhập khác	151.732.583	4.000.000.000	156.733.135	4.057.708.800
12.	Chi phí khác	450.913.448	2.021.000	586.077.584	5.764.080.225
13.	Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	(299.180.865)	3.997.979.000	(429.344.449)	(1.706.371.425)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	35.455.777.828	21.449.705.325	96.897.164.179	51.750.898.774
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.109.296.038	4.290.345.265	19.511.285.142	11.076.643.594
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	28.346.481.790	17.159.360.060	77.385.879.037	40.674.255.180
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-	-	-

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Quốc Việt

Đỗ Quốc Việt

Phan Minh Tuấn



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Quý 4/2019

Mã số	Chi tiêu	31-12-2019 VND	31-12-2018 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1	Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	35.455.777.828	21.449.705.325
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
2	Khấu hao/khấu trừ tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	394.575.444	426.740.379
3	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(18.198.919.149)	(5.805.006.757)
4	Lãi từ thanh lý TSCĐ	-	-
5	Chi phí lãi vay	-	4.837.583.893
6	Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	17.651.434.123	20.909.022.840
7	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	5.281.937.468	127.379.184.314
8	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	13.031.359.645	(1.731.450.247)
9	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(36.258.441.348)	(12.513.084.257)
10	(Tăng) giảm chi phí trả trước	273.180.450	23.088.677.210
11	Tiền lãi vay đã trả	-	(665.263.922)
12	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	(43.818.545)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(20.529.662)	156.423.267.393
	II. Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư		
21	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	(30.831.576.280)	-
22	Tiền chi để mua các công ty con, trừ đi tiền thu về	(6.000.000.000)	-
23	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	18.198.919.149	5.805.006.757
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(18.632.657.131)	5.805.006.757
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.254.651.069)	(104.425.500.286)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(1.254.651.069)	(104.425.500.286)
50	Tăng/(giảm) tiền thuần trong kỳ	(19.907.837.862)	57.802.773.864
60	Tiền [và tương đương tiền] đầu kỳ	85.477.905.820	320.486.480.442
70	Tiền [và tương đương tiền] cuối kỳ	65.570.067.958	378.289.254.306

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc




Đỗ Quốc Việt

Đỗ Quốc Việt



Phan Minh Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Thông tin Tổng công ty:

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (“Tổng Công ty”) là một công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam theo Quyết định số 655/QĐ-BXD được ban hành bởi Bộ Xây dựng ngày 13 tháng 4 năm 2007. Tổng Công ty nay là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100109441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 25 tháng 5 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 được cấp ngày 04 tháng 10 năm 2019.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Tổng Công ty là:

- ▶ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Tư vấn giám sát xây dựng và mua sắm;
- ▶ Đầu tư, kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng và nhà ở; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, phát triển bất động sản, và xây lắp nên chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty có thể kéo dài từ 12 đến 36 tháng, tùy thuộc vào tính chất, phạm vi của các dự án bất động sản và hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty thực hiện.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại tầng 2, tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tổng Công ty có các chi nhánh sau:

Tên Chi nhánh

Địa chỉ

- | | |
|--|---|
| 1. Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam tại Hải Dương | Số 42, phố Lê Chân, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương |
| 2. Trung tâm Kinh doanh Thương mại – Dịch vụ Constrexim TS – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam | Số 39, phố Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

1.2 Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có các công ty con như trình bày dưới đây:

STT	Tên công ty	Trụ sở chính theo đăng ký doanh nghiệp	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty		Hoạt động chính
			Ngày 31 tháng 12 năm 2019 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 (%)	
1	Công ty TNHH CTX Số 1	Tầng 2, Tòa nhà HH2 Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100	100	Thi công, xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp
2	Công ty TNHH CTX Số 2	Tầng 2, Tòa nhà HH2 Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100	100	Đầu tư phát triển dự án Bất động sản
3	Công ty TNHH CTX Số 3	Tầng 2, Tòa nhà HH2 Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100	100	Cung cấp dịch vụ quản lý và cho thuê bất động sản
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Constrexim	Số 38 Trần Nhật Duật, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	81	81	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
5	Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	100	100	Phát triển dự án đang quản lý và kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Địa ốc Sum Lâm	Số 38 Trần Nhật Duật, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	94	94	Phát triển dự án bất động sản
7	Công ty Cổ phần Ocean View Nha Trang	Số 38 Trần Nhật Duật, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	89	89	Phát triển dự án bất động sản
8	Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	Số 184A, Thù Khoa Huân, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	98	98	Phát triển dự án thủy điện
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina ("Công ty Indochina")	Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	99,9	99,9	Phát triển dự án khách sạn và trung tâm thương mại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Cơ sở tổng hợp báo cáo

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam, CN Constrexim Hải dương, Công ty XL số 5.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp đã ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, hướng dẫn chế độ Kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 35
Máy móc thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	25 năm
Tài sản khác	5 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết, đầu tư khác

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của công ty Mẹ vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Công ty Mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo của Công ty Mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông) công ty con. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền kiểm soát, quyền đưa ra ý kiến, tham gia ý kiến có tính chất quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Công ty liên kết là khoản đầu tư của Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không dưới dạng là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được theo dõi dựa trên các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập.

Đầu tư khác là các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Tổng Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng không trọng yếu được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản nợ và chi phí phát sinh liên quan đến việc đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh, đầu tư khác được hạch toán theo quy định hiện hành. Phần thu nhập được hạch toán tại thời điểm có phát sinh.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Tổng Công ty bao gồm giá trị lợi thế doanh nghiệp (thương hiệu), chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ nhất quán theo tiêu thức phù hợp.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỉ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỉ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	1.560.911.643	1.509.220.165
Tiền gửi ngân hàng	14.009.156.315	86.780.034.141
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	290.000.000.000
Tổng cộng	65.570.067.958	378.289.254.306

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chứng khoán kinh doanh	2.549.370.051	2.549.370.051
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:	815.522.711.112	889.521.711.112
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	<i>770.576.399.998</i>	<i>844.575.399.998</i>
<i>Đầu tư vào Cty liên doanh, liên kết</i>	<i>32.933.412.413</i>	<i>32.933.412.413</i>
<i>Đầu tư vào đơn vị khác</i>	<i>12.012.898.701</i>	<i>12.012.898.701</i>
Tổng cộng	818.072.081.163	892.071.081.163

Chứng khoán kinh doanh:

Tên chứng khoán	31/12/2019		01/01/2019	
	Số lượng	Giá gốc	Số lượng	Giá gốc
Công ty cổ phần Constrexim Viet CZ	5,600	862,400,000	5,600	862,400,000
Các cổ phiếu khác	27,079	1,686,970,051	27,079	1,686,970,051
Công ty cổ phần phát triển công trình Viễn Thông	10,000	390,000,000	10,000	390,000,000
Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á	16,992	1,296,000,000	16,992	1,296,000,000
Công ty cổ phần tập đoàn Hòa Phát	7	170,051	7	170,051
Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	80	800,000	80	800,000
Tổng cộng	32,679	2,549,370,051	32,679	2,549,370,051

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
Tầng 2-nhà HH2- KĐT Yên Hòa-Đường Dương Đình Nghệ-Phường Yên Hòa-Quận Cầu Giấy-Hà Nội

MÃU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đầu tư vào công ty con:

Đơn vị tính: VND

Các công ty con	31/12/2019				01/01/2019			
	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Dự phòng	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Dự phòng
Công ty con sản xuất kinh doanh								
Công ty cổ phần CTX số 1	2.058.000	100%	20.580.000.000	1.056.614.350	2.058.000	100%	20.580.000.000	1.056.614.350
Công ty TNHH CTX Số 2	-	100%	6.000.000.000		-	100%	1.000.000.000	
Công ty TNHH CTX Số 3		100%	1.000.000.000					
Các Công ty con đầu tư dự án								
Công ty Cổ phần Đầu tư XD và TM Constrexim	810.000	81%	8.100.000.000	5.995.216.524	810.000	81%	8.100.000.000	5.995.216.524
Công ty TNHH Đầu tư C,T,L	-	100%	225.283.000.000		-	100%	225.283.000.000	
Công ty Cổ phần Địa ốc Sum Lâm	9.588.000	94%	121.392.900.000	1.184.445.866	9.588.000	94%	121.392.900.000	1.184.445.866
Công ty Cổ phần Ocean View Nha Trang	5.317.750	89%	53.177.500.000		5.317.750	89%	53.177.500.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	454.160	98%	102.142.999.998	329.111.855	454.160	98%	102.142.999.998	329.111.855
Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina	19.990.000	99,95%	232.900.000.000	15.695.480.159	9.589.041	100%	232.900.000.000	
Công ty TNHH MTV thủy điện Thác Ba	-	100%			8.000.000	100%	80.000.000.000	
Tổng cộng			770.576.399.998	24.260.868.754			844.576.399.998	8.565.388.595

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
Tầng 2-nhà HH2- KĐT Yên Hòa-Đường Dương Đình Nghệ-Phường Yên Hòa-Quận Cầu Giấy-Hà Nội

MẪU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đầu tư vào công ty liên kết:

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	31/12/2019				01/01/2019			
	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Dự phòng	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần ĐTXD và lắp máy Điện nước Constrexim Toàn Cầu	20,000	20%	1,000,000,000	1,000,000,000	20,000	20%	1,000,000,000	1,000,000,000
Công ty Cổ phần Constrexim Đồng Đô	72,900	27%	2,700,000,000	2,700,000,000	72,900	27%	2,700,000,000	2,700,000,000
Công ty Cổ phần xây lắp và Sản xuất Cấu kiện Constrexim	54,000	30%	1,800,000,000	1,800,000,000	54,000	30%	1,800,000,000	1,800,000,000
Công ty Cổ phần Constrexim Hồng Hà	100,000	20%	5,000,000,000	5,000,000,000	100,000	20%	5,000,000,000	5,000,000,000
Công ty Cổ phần Constrexim Tân Long	516,136	28%	18,433,412,413	18,433,412,413	516,136	28%	18,433,412,413	18,433,412,413
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn xây dựng Constrexim (ICC)	90,000	30%	3,000,000,000	3,000,000,000	90,000	30%	3,000,000,000	3,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Tư vấn Thiết kế Constrexim (CID)	20,408	20%	1,000,000,000	1,000,000,000	20,408	20%	1,000,000,000	1,000,000,000
Tổng cộng			32,933,412,413	32,933,412,413			32,933,412,413	32,933,412,413

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
Tầng 2-nhà HH2- KĐT Yên Hòa-Đường Dương Đình Nghệ-Phường Yên Hòa-Quận Cầu Giấy-Hà Nội

MẪU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đầu tư vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	31/12/2019				01/01/2019			
	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Dự phòng	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Constrexim số 1	150,000	11%	1,500,000,000	1,500,000,000	150,000	11%	1,500,000,000	1,500,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và XNK Cảnh Viên	276,570	18%	2,765,700,000	2,765,700,000	276,570	18%	2,765,700,000	2,765,700,000
Công ty Cổ phần Constrexim Việt Séc	32,000	2%	320,000,000	320,000,000	32,000	2%	320,000,000	320,000,000
Công ty Cổ phần Constrexim Đầu tư và xây lắp Cao tầng	180,000	7%	1,800,000,000	1,800,000,000	180,000	7%	1,800,000,000	1,800,000,000
Công ty Cổ phần Constrexim số 8	97,938	5%	979,383,081	979,383,081	97,938	5%	979,383,081	979,383,081
Công ty Cổ phần Constrexim số 6	69,000	7%	690,000,000	690,000,000	69,000	7%	690,000,000	690,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và XNK Phục Hưng	66,000	2%	660,000,000	660,000,000	66,000	2%	660,000,000	660,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà Constrexim (HOD)	62,500	1%	625,000,000	625,000,000	62,500	1%	625,000,000	625,000,000
Công ty Cổ phần Constrexim TM	54,995	3%	549,950,000	549,950,000	54,995	3%	549,950,000	549,950,000
Công ty Cổ phần Constrexim Mecco	50,000	5%	500,000,000	500,000,000	50,000	5%	500,000,000	500,000,000
Công ty Cổ phần Constrexim Bình Định	50,000	2%	500,000,000	500,000,000	50,000	2%	500,000,000	500,000,000
Công ty Cổ phần Constrexim Miền Trung	45,000	5%	450,000,000	450,000,000	45,000	5%	450,000,000	450,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Constrexim (CIC)	40,000	2%	400,000,000	400,000,000	40,000	2%	400,000,000	400,000,000
Công ty Cổ phần Constrexim Hải phòng	27,287	5%	272,865,620	272,865,620	27,287	5%	272,865,620	272,865,620
Tổng cộng			12,012,898,701	10,373,515,620			12,012,898,701	10,373,515,620

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
- Phải thu khách hàng xây lắp liên quan đến hợp đồng thầu phụ có điều kiện (*)	117.297.745.427	117.753.652.581
- Phải thu theo các hợp đồng xây lắp khác	144.583.050.337	84.703.589.869
<i>Trong đó: phải thu của CT FPT Tower</i>	50.281.792.728	
<i>phải thu của CT KS QT Đông Dương</i>		
<i>Indochina</i>	70.770.078.558	
- Phải thu liên quan đến các hoạt động khác	55.501.440.805	57.118.621.534
Tổng cộng	317.382.236.569	259.575.863.984

(*) Theo các hợp đồng thầu phụ có điều kiện, Tổng công ty chỉ thanh toán cho các nhà thầu phụ sau khi nhận tiền thanh toán cho công trình từ chủ đầu tư.

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Trong đó phải thu các bên liên quan		
Công ty CP Constrexim Đông Đô	26.876.159	54.446.531
Công ty CP XL và SX cấu kiện Constrexim	7.219.076.093	7.219.076.093
Công ty cổ phần Đầu tư INDOCHINA	70.859.013.210	63.760.243.388
Công ty TNHH CTX Số 1	2.079.296.142	2.079.296.142
Công ty cổ phần Đức Tân long - Constrexim	892.649.712	892.649.712
Công ty TNHH CTX Số 3	2.796.812.833	2.344.312.833
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	33.531.179.049	
Tổng cộng	89.294.918.237	76.350.024.699

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
- Công ty CP đầu tư PT Constrexim số 16	14.217.553.004	14.217.553.004
- Công ty Cổ phần công nghệ Quốc Gia		14.991.486.311
- Trả trước cho Dự án D27		3.000.000.000
- Các khoản trả trước ngắn hạn khác	131.497.361.882	134.328.831.345
Tổng cộng	145.714.914.886	166.537.870.660

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Trả trước cho các bên liên quan		
Công ty CP đầu tư xây dựng và lắp máy điện nước CONSTREXIM Toàn Cầu	86.506.389	86.506.389
Công ty CP Constrexim Đông Đô	4.126.680.288	4.126.680.288
Công ty CP XL và SX cấu kiện Constrexim	7.544.509.825	7.544.509.825
Công ty CP Constrexim Hồng Hà	557.758.267	557.758.267
Công ty TNHH CTX Số 1	25.000.833.005	23.714.898.902

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại Constrexim	21.148.652	21.148.652
Công ty cổ phần Đức Tân long - Constrexim	1.173.304.065	1.173.304.065
Công ty CP Đầu tư xây dựng tư vấn thiết kế Constrexim	5.184.129.711	5.184.129.711
Tổng cộng	43.694.870.202	42.408.936.099

5.5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tạm ứng để thực hiện các hợp đồng xây lắp và dự án bất động sản	60.334.225.704	81.270.251.111
Phải thu công ty con	1.141.007.219	1.062.863.711
Tạm ứng để thực hiện các hoạt động khác	13.290.002.265	8.256.630.507
Phải thu phần trả hộ vốn góp	4.617.500.000	4.617.500.000
Lãi cho Công ty con vay	30.920.011.937	5.541.739.505
Tổng cộng	110.302.747.125	100.748.984.834

5.6 Hàng tồn kho và tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
- Chi phí SXKD dở dang của các dự án đầu tư Bất động sản:		
Dự án Toà nhà hỗn hợp Constrexim Complex (A1)	388.980.004.048	343.128.735.685
Dự án Tòa nhà VP và Thương mại Constrexim Plaza (E2)	53.793.944.281	53.793.944.281
Tổng cộng	442.773.948.329	396.922.679.966
- Chi phí SXKD dở dang các Hoạt động Xây lắp:		
Công trình FPT Tower	13.034.577.244	15.602.764.312
Công trình thoát nước Bắc Kạn	11.556.403.105	11.556.403.105
Gói thầu BT04 Hệ thống cấp thoát nước Trụ sở Bộ Ngoại Giao	5.398.432.501	15.770.288.683
Chi phí SXKD dở dang của các hợp đồng XD khác	4.147.865.259	4.363.415.039
Tổng cộng	34.137.278.109	47.292.871.139

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
Nguyên giá					
Số dư 30/09/2019	3.624.417.692	3.903.936.311	426.093.068	729.251.596	8.683.698.667
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	900.618.182	-	-	900.618.182
Số dư 31/12/2019	3.624.417.692	3.003.318.129	426.093.068	729.251.596	7.783.080.485
Hao mòn lũy kế					
Số dư 30/09/2019	1.808.841.243	3.681.598.416	426.093.068	729.251.596	6.645.784.323
Tăng trong kỳ	37.824.507	25.236.108	-	-	63.060.615
Khấu hao	37.824.507	25.236.108	-	-	63.060.615
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	900.618.182	-	-	900.618.182
Góp vốn	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	900.618.182	-	-	900.618.182
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2019	1.846.665.750	2.806.216.342	426.093.068	729.251.596	5.808.226.756
Giá trị còn lại					
Tại 30/09/2019	1.815.576.449	222.337.895	-	-	2.037.914.344
Tại 31/12/2019	1.777.751.943	197.101.787	-	-	1.974.853.730

5.8 Bất động sản đầu tư

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa và vật kiến trúc	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 30/09/2019	32.677.383.198	1.325.696.427	34.003.079.625
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	32.677.383.198	1.325.696.427	34.003.079.625
Giá trị hao mòn			
Tại ngày 30/09/2019	15.092.769.233	1.325.696.427	16.418.465.660
Khấu hao tăng trong kỳ	331.514.829	-	331.514.829
Khấu hao giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	15.424.284.062	1.325.696.427	16.749.980.489
Giá trị còn lại			
Tại ngày 30/09/2019	17.584.613.966	-	17.584.613.966
Tại ngày 31/12/2019	17.253.099.136	-	17.253.099.136

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
- Chi phí sửa chữa lớn nhà HH2		1.085.145.491
- Tiền GPMB được khấu trừ vào Tiền thuê đất của dự án tòa nhà VP và thương mại CONSTREXIM Plaza (E2)	9.277.645.000	9.277.645.000
- Chi phí trả trước khác	46.076.510	13.553.030
Tổng cộng	9.323.721.510	10.376.343.521

5.10 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
1-Vay ngắn hạn đối tượng khác		
- Vay ngắn hạn Ông Trần Minh Sơn	157.000.000.000	140.000.000.000
- Vay ngắn hạn Bà Nguyễn Thúy Diệu		200.000.000
Cộng 1	157.000.000.000	140.200.000.000
2- Vay ngắn hạn đối tượng liên quan		
- Vay ngắn hạn Công ty CPĐT và QL BĐS Thăng Long	147.577.737.988	163.077.737.988
- Vay ngắn hạn Công ty TNHH Đầu tư C.T.L		34.008.132.293
- Vay ngắn hạn Công ty CP Ocean View Nha trang	30.395.321.330	31.488.807.330
- Vay ngắn hạn Công ty CPĐT và TM Constrexim Nha Trang	2.604.384.663	2.584.384.663
- Vay ngắn hạn Công ty CP Thủy Điện La Ngâu	48.369.518.471	49.139.198.540
- Vay ngắn hạn Công ty TNHH MTV Thủy điện Thác Ba		77.692.000.000
Cộng 2	228.946.962.452	357.990.260.814
Tổng cộng 1+2	385.946.962.452	498.190.260.814

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
- Phải trả người bán liên quan hoạt động dự án đầu tư	137.069.447.906	155.059.467.151
- Công ty CP Đầu tư Việt San	132.262.894.107	133.346.377.266
- Phải trả các khách hàng dự án khác	4.806.553.799	21.713.089.885
- Phải trả thầu phụ các hợp đồng xây lắp có điều kiện (*)	141.457.172.643	143.343.403.245
- Phải trả liên quan đến các hợp đồng xây lắp khác	111.294.696.980	98.427.687.793
- Các nhà cung cấp khác	2.775.285.282	4.019.921.589
Tổng cộng	392.596.602.811	400.850.479.778

(*) Theo các hợp đồng thầu phụ có điều kiện tổng công ty chỉ thanh toán cho nhà thầu phụ sau khi nhận được tiền thanh toán cho công trình từ chủ đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Trong đó phải trả các bên liên quan:	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty CP đầu tư xây dựng và lắp máy điện nước CONSTREXIM Toàn Cầu	4.261.111.301	4.261.111.301
Công ty CP Constrexim Đông Đô	10.032.407.015	10.032.407.015
Công ty CP XL và SX cấu kiện Constrexim	661.275.244	661.275.244
Công ty CP Constrexim Hồng Hà	818.336.344	1.918.442.566
Công ty TNHH CTX Số 1	8.185.445.589	11.899.511.486
Công ty CP đầu tư và tư vấn XD Constrexim - ICC	19.970.000	19.970.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng tư vấn thiết kế Constrexim	1.840.140.177	1.840.140.177
Công ty CP Đầu tư xây dựng tư vấn thiết kế Constrexim	150.000.000	
Công ty CP Đầu tư xây dựng tư vấn thiết kế Constrexim	1.861.500.000	
Tổng cộng	27.830.185.670	30.632.857.789

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
- Trả trước cho các công trình xây lắp	52.898.969.698	127.298.389.612
Dự án D28		61.875.151.206
Hệ thống cấp thoát nước trụ sở Bộ	11.066.559.949	22.889.401.192
Thoát nước Bắc Kan	18.987.083.843	18.987.083.843
Thư viện tỉnh Nghệ An	15.999.217.117	15.999.217.117
Công trình khác	6.846.108.789	7.547.536.254
- Tạm ứng cho các hoạt động khác	1.304.529.169	1.302.505.673
Tổng cộng	54.203.498.867	128.600.895.285

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.345.657.230	3.453.133.515
Các loại thuế khác	65.951.924	3.242.612.779
Tổng cộng	15.411.609.154	6.695.746.294

5.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí phải trả cho các hợp đồng thi công xây lắp	21.589.592.224	75.970.034.853
Chi phí phải trả cho các dự án	281.121.124.013	255.239.953.783
Chi phí phải trả khác	5.680.246.175	2.385.559.504
Tổng cộng	308.390.962.412	333.595.548.140

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí phải trả dài hạn		
Phải trả dự án Yên Hòa	17.021.511.710	16.154.721.642
Dự phòng trợ cấp thôi việc	291.614.310	291.614.310
Tổng cộng	17.313.126.020	16.446.335.952

5.15 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Các khoản phải trả liên quan đến cổ phần hóa	23.017.807.009	23.017.807.009
Phải trả liên quan đến thanh lý hợp đồng thuê VP	5.131.652.726	5.294.511.588
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	2.281.673.057	2.334.649.207
Tiền đặt cọc để mua cổ phần trong Công ty CP Thủy điện La Ngâu	1.800.000.000	1.800.000.000
Các khoản phải trả khác	18.153.551.010	6.353.064.562
Tổng cộng	50.384.683.802	38.800.032.366

5.16 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện ngắn và dài hạn bao gồm các khoản tiền thuê ứng trước của khách hàng để thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Các cổ đông	789.072.760.000	789.072.760.000
Thặng dư vốn cổ phần		145.449.726.225
Tổng	789.072.760.000	934.522.486.225

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	789.072.760.000	263.538.000.000
Vốn góp tại ngày cuối năm	789.072.760.000	263.538.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

c. Cổ phiếu

	<u>31/12/2019</u> VND	<u>01/01/2019</u> VND
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	78,907,276	26,353,800
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	78,907,276	26,353,800
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	78,907,276	26,353,800
Số lượng cổ phiếu đang niêm yết	78,907,276	26,353,800

d. Các quỹ

	<u>31/12/2019</u> VND	<u>01/01/2019</u> VND
Quỹ đầu tư phát triển		18,897,367,124
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		4,796,179,807
Tổng	-	4,796,179,807

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
Tầng 2-nhà HH2-KĐT Yên Hòa-Đường Dương Đình Nghệ-Phường Yên Hòa-Quận Cầu Giấy-Hà Nội

MÁU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 09 năm 2019

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

e. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư 01/01/2018	263.538.000.000	145.449.726.225	18.897.367.124	4.796.179.807	352.736.788.362	785.418.061.518
Tăng trong năm	-	-	-	-	14.196.735.335	14.196.735.335
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	14.196.735.335	14.196.735.335
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2018	263.538.000.000	145.449.726.225	18.897.367.124	4.796.179.807	366.933.523.697	799.614.796.853
Số dư 01/01/2019	263.538.000.000	145.449.726.225	18.897.367.124	4.796.179.807	366.933.523.697	799.614.796.853
Tăng trong kỳ	525.534.760.000	-	-	-	77.385.879.037	602.920.639.037
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	77.385.879.037	77.385.879.037
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	145.449.726.225	18.897.367.124	4.796.179.807	356.391.486.844	525.534.760.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2019	789.072.760.000	-	-	-	87.927.915.890	877.000.675.890

5.18 Kết quả kinh doanh:

a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 4/2019 VND	Quý 4/2018 VND
Doanh thu xây dựng	45.287.771.446	318.468.773.151
Doanh thu cho thuê nhà, kd khác	1.516.688.397	1.116.688.397
Doanh thu hàng bất động sản	6.000.000.000	1.986.363.636
Tổng	52.804.459.843	321.571.825.184

b. Giá vốn hàng bán

	Quý 4/2019 VND	Quý 4/2018 VND
Giá vốn xây dựng	43.442.128.500	296.331.372.244
Giá vốn dịch vụ khác	969.283.299	3.913.270.218
Giá vốn bất động sản	331.514.829	1.543.618
Tổng	44.742.926.628	300.246.186.080

c. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4/2019 VND	Quý 4/2018 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	18.198.919.149	5.805.006.757
Tổng	18.198.919.149	5.805.006.757

d. Chi phí hoạt động tài chính

	Quý 4/2019 VND	Quý 4/2018 VND
Dự phòng đầu tư vào Công ty con	(14.217.206.457)	
Lãi tiền vay	-	4.837.583.893
Chi phí khác		4.104.503.355
Tổng	(14.217.206.457)	8.942.087.248

e. Thu nhập khác

	Quý 4/2019 VND	Quý 4/2018 VND
Thu nhập khác	151.732.583	4.000.000.000
Tổng	151.732.583	4.000.000.000

f. Chi phí khác

	Quý 4/2019 VND	Quý 4/2018 VND
Chi phí khác	450.913.448	2.021.000
Tổng	450.913.448	2.021.000

g. Chi phí bán hàng và QLDN

	Quý 4/2019 VND	Quý 4/2018 VND
Chi phí tiền lương	1.251.203.900	317.498.500
Chi phí khấu hao TSCĐ, thương hiệu	394.575.444	95.225.550
Chi phí chung khác	3.076.920.784	324.108.238
Tổng	4.722.700.128	736.832.288

h. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Quý 4/2019 VND	Quý 4/2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.455.777.828	21.449.705.325
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	90.702.363	2.021.000
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế		
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	7.109.296.038	4.290.345.265

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Tổng Công ty nhận định, trên khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày phát hành báo cáo cần thuyết minh hoặc điều chỉnh trên Báo cáo tài chính này.

6.2 Số liệu so sánh

Là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và số liệu báo cáo tài chính quý 4/2018.

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đỗ Quốc Việt

Đỗ Quốc Việt

Phan Minh Tuấn